

Số:...../TM-MNXN

Thanh Nua, ngày 21 tháng 8 năm 2025

### THƯ MỜI CHÀO BÁO GIÁ

**V/v cung cấp hàng hóa, thực phẩm cho bếp ăn tập thể Trường Mầm non  
xã Thanh Nua năm học 2025-2026**

Kính gửi: Các nhà cung cấp hàng hóa, thực phẩm

Trường Mầm non xã Thanh Nua kính mời quý cửa hàng/Nhà cung cấp hàng hóa có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá chào hàng cạnh tranh về việc cung cấp thực phẩm cho bếp ăn tập thể phục vụ học sinh ăn bán trú của Trường Mầm non xã Thanh Nua năm học 2025–2026.

- Danh mục báo giá: tại phụ lục 1 kèm theo thư mời chào báo giá này.
- Điều kiện đối với nhà cung cấp thực phẩm gồm:
  - + Có giấy phép kinh doanh hợp pháp và phù hợp với mặt hàng chào giá.
  - + Có giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm hoặc bản cam kết sản xuất thực phẩm an toàn.
  - + Có giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế.
  - + Có căn cước công dân.

*(Các loại giấy tờ trên phải còn hiệu lực, giá trị sử dụng).*

- Biểu báo giá: Mỗi nhà cung cấp gửi 01 (một) phiếu chào hàng/báo giá thực phẩm cạnh tranh theo mẫu quy định (Phụ lục 2).

- Yêu cầu báo giá: Đề nghị Quý cửa hàng/Nhà cung cấp gửi phiếu báo giá trong đó ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp, các cam kết về chất lượng hàng hóa, tên chủng loại hàng hóa, số lượng, đơn giá, xuất xứ hàng hóa.

- Hình thức báo giá: Phiếu báo giá gửi đến cho nhà trường bằng cách gửi trực tiếp tại văn phòng nhà trường hoặc gửi qua đường bưu điện, đến địa chỉ sau:

***Trường Mầm non xã Thanh Nua***

***Địa chỉ: Bản Mển, Xã Thanh Nua, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên***

Điện thoại liên hệ: 0948319927 (Hiệu trưởng) hoặc: 0369031963 (Kế toán).

- Thời gian gửi báo giá: Mọi hồ sơ dự chào hàng/báo giá phải được gửi đến Trường Mầm non xã Thanh Nua theo địa chỉ trên trước **17h00 ngày 26 tháng 8 năm 2025**.

Trường Mầm non xã Thanh Nua trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 1;
- Website trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Thị Tuyết Hường**

## PHỤ LỤC 1:

**DANH MỤC HÀNG HÓA, THỰC PHẨM MỜI CHÀO GIÁ**  
*(Kèm theo thư mời chào báo giá số: /TM-MNXTN ngày 21/8/2025 của Trường Mầm non xã Thanh Nưa)*

| Stt | Tên hàng hóa, thực phẩm              | ĐVT | Chất lượng hàng hóa                                                                       | Đơn giá |
|-----|--------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Thịt lợn mông (vai) lọc bì, cắt ngon | Kg  | Thịt lợn cần tươi ngon, không ôi thiu, không bị dịch bệnh.                                |         |
| 2   | Xương cổ, xương đuôi lợn             | Kg  | Xương lợn cần tươi ngon, không lọc sạch thịt, không ôi thiu, không bị dịch bệnh.          |         |
| 3   | Thịt bò loại 1                       | Kg  | Thịt tươi ngon, lọc sạch gân, không ôi thiu, không bị dịch bệnh, không dai.               |         |
| 4   | Giò bò                               | Kg  | Giò mới, không có chất phụ gia cấm sử dụng, chất bảo quản                                 |         |
| 5   | Giò lợn                              | Kg  | Giò mới làm, không có chất phụ gia cấm sử dụng, chất bảo quản                             |         |
| 6   | Cá trắm (cắt khúc)                   | Kg  | Cá tươi ngon, loại 2,5 kg trở lên                                                         |         |
| 7   | Tôm nuôi nước ngọt                   | Kg  | Tôm còn sống, tươi ngon, loại 40-45con/kg trở lên                                         |         |
| 8   | Ngao biển                            | Kg  | Ngao còn sống, tươi ngon, không chất bảo quản                                             |         |
| 9   | Trứng vịt đồng (loại to)             | Quả | Trứng vịt ta, mới đẻ, dày vỏ.                                                             |         |
| 10  | Trứng vịt đồng (loại nhỏ)            |     |                                                                                           |         |
| 11  | Thịt gà lai (mổ sẵn)                 | Kg  | Thịt tươi ngon, mới mổ, từ 2kg trở lên sau khi đã bỏ đầu, chân; cánh, không bị dịch bệnh. |         |
| 12  | Đậu phụ                              | Kg  | Mới làm, không chua, không có chất bảo quản, phụ gia cấm sử dụng                          |         |
| 13  | Nước đậu                             | Lít | Nước đặc, còn nóng, không chua, không có chất bảo quản, phụ gia cấm sử dụng               |         |
| 14  | Giá đỗ                               | Kg  | Tươi ngon, không dài, không có chất kích thích                                            |         |
| 15  | Cà chua                              | Kg  | Chín đỏ tự nhiên, không dập nát.                                                          |         |
| 16  | Bí xanh                              | Kg  | Tươi, không dập nát                                                                       |         |
| 17  | Bí đỏ                                | Kg  | Bí non, không dập nát                                                                     |         |
| 18  | Dưa muối chua                        | Kg  | Dưa thơm, vàng, không bị khú                                                              |         |
| 19  | Rau ngót                             | Bó  |                                                                                           |         |
| 20  | Rau cải các loại                     | Kg  |                                                                                           |         |
| 21  | Củ cải trắng                         | Kg  |                                                                                           |         |

|    |                                |     |                                                                                |  |
|----|--------------------------------|-----|--------------------------------------------------------------------------------|--|
| 22 | Su su                          | Kg  | Tươi, non, không có rễ, không dập nát                                          |  |
| 23 | Cà rốt                         | Kg  |                                                                                |  |
| 24 | Su hào                         | Kg  |                                                                                |  |
| 25 | Đỗ cô ve                       | Kg  |                                                                                |  |
| 26 | Ngô ngọt                       | Bắp |                                                                                |  |
| 27 | Rau đay, mỏng tơi              | Bó  |                                                                                |  |
| 28 | Rau thơm (Thìa là, rau mùi,..) | Bó  |                                                                                |  |
| 29 | Hành lá                        | Kg  |                                                                                |  |
| 30 | Muối trắng i ốt                | Kg  | Còn hạn sử dụng, có nhãn mác hàng hóa, xuất xứ rõ ràng                         |  |
| 31 | Mì chính                       | Kg  |                                                                                |  |
| 32 | Dầu ăn                         | Lít |                                                                                |  |
| 33 | Nước mắm                       | Lít |                                                                                |  |
| 34 | Nước rửa bát                   | Lít |                                                                                |  |
| 35 | Bột canh iot                   | Kg  |                                                                                |  |
| 36 | Bột tôm                        | Gói |                                                                                |  |
| 37 | Bánh quy                       | Gói |                                                                                |  |
| 38 | Bánh gạo                       | Gói |                                                                                |  |
| 39 | Bánh mỳ (đóng gói)             | Cái |                                                                                |  |
| 40 | Bánh Bông lan                  | Hộp |                                                                                |  |
| 41 | Bánh bao                       | Cái |                                                                                |  |
| 42 | Sữa chua                       | Hộp |                                                                                |  |
| 43 | Đường trắng loại 1             | Kg  |                                                                                |  |
| 44 | Bún khô                        | Kg  | Khô, không nấm mốc, không chất bảo quản                                        |  |
| 45 | Lạc hạt loại 1                 | Kg  | Khô, hông bị nấm mốc, đều hạt                                                  |  |
| 46 | Đỗ đen loại 1                  | Kg  |                                                                                |  |
| 47 | Đỗ xanh loại 1 (Đã bỏ vỏ)      | Kg  |                                                                                |  |
| 48 | Gạo nếp nương                  | Kg  | Mới xay xát, không có mùi hôi, không pha trộn, không nấm mốc, mọt              |  |
| 49 | Gạo tẻ                         | Kg  |                                                                                |  |
| 50 | Hành củ                        | Kg  | Khô vỏ, không chất bảo quản                                                    |  |
| 51 | Hành tây                       | Kg  |                                                                                |  |
| 52 | Chuối chín                     | Quả | Chín đều tự nhiên, không dập nát, không sử dụng hóa chất để làm chín, bảo quản |  |
| 53 | Dưa hấu                        | Kg  | Già quả, ruột đỏ, không dập nát, không hóa chất bảo quản                       |  |

PHỤ LỤC 2:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

---

**PHIẾU BÁO GIÁ HÀNG HÓA/THỰC PHẨM**

---

Tên tôi là: .....

Địa chỉ: .....

Số căn cước công dân:.....cấp ngày.....  
.....tháng.....năm 20.....bởi.....

Điện thoại: .....

*Trân trọng báo giá đến quý khách hàng*

Đơn vị: Trường Mầm non xã Thanh Nưa – Huyện Điện Biên

Tôi xin thông báo giá mặt hàng:..... Như sau:

| STT | Tên hàng hóa<br>(Ghi rõ chủng loại, nhãn mác, quy cách) | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) |
|-----|---------------------------------------------------------|-----|----------|-------------|
| 1   |                                                         | Kg  | 1        |             |
| 2   |                                                         | Kg  | 1        |             |
| 3   |                                                         | Kg  | 1        |             |
| ... | .....                                                   | ... | 1        | .....       |

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT.

- Xuất xứ thực phẩm, hàng hóa:

.....  
.....

- Cam kết về chất lượng hàng hóa:

.....  
.....  
.....

- Thời gian giao hàng: từ ...h..... đến ....h.... vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần tại Trường Mầm non xã Thanh Nưa.

Điện Biên, ngày .... tháng ... năm 2025

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁO GIÁ**